TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12/3/2019
"V/v tranh chấp HNGĐ – Xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản và nợ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Huỳnh Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Mướt,
2. Ông Phạm Phước Tâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 12 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 34/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2019 về việc: *"Tranh chấp HNGĐ - Xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản và nợ"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Trần Quốc T**, sinh năm 1984;
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
2. Bị đơn: Chị **Trần Thị Bích M**, sinh năm 1994;
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
(Anh T có mặt, chị M đã tuyên bố mất tích)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Trần Quốc T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T và chị M tổ chức đám cưới năm 2012 và có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 07/11/2013. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, thời gian sau phát sinh mâu thuẫn, chị M bỏ nhà đi không nói với anh T và gia đình một lời nào. Anh T nhiều lần tìm kiếm nhằm hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Anh T có làm đơn yêu cầu tuyên bố mất tích đối với chị M và đã được Tòa án nhân dân huyện Cao

Lãnh chấp nhận. Anh T nhận thấy chị M đã bỏ đi, vợ chồng không thể hàn gắn được nên quyết định ly hôn để chú tâm làm ăn lo cho các con trưởng thành.

Nay anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Trần Thị Bích M.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Thảo V, sinh ngày 27/11/2013 và Trần Thị Trà M, sinh ngày 08/12/2015. Hiện Trần Thị Thảo V sống với cha, Trần Thị Trà M sống với mẹ. Theo đơn khởi kiện, khi ly hôn anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng tại phiên tòa hôm nay, anh T thay đổi yêu cầu khởi kiện, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Trần Thị Thảo V, anh đồng ý để con chung Trần Thị Trà M cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung và anh cũng không cấp dưỡng cho chị M nuôi con chung. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp anh sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

* Đối với bị đơn là chị Trần Thị Bích M đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định số 09/2018/QĐVDS-ST ngày 20/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh và hiện nay chị M cũng không có mặt ở địa phương.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

1. Giấy chứng nhận kết hôn tên Trần Quốc T và Trần Thị Bích M (bản chính);

2. Trích lục khai sinh tên Trần Thị Trà M (bản sao);

3. Giấy khai sinh tên Trần Thị Thảo V (bản sao);

4. Giấy CMND và sổ hộ khẩu của nguyên đơn (photo công chứng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Trần Quốc T có đơn yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Bích M. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Tranh chấp hôn nhân, gia đình - Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung".

Chị Trần Thị Bích M là người bị kiện có nơi cư trú cuối cùng là ấp A, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Xét thấy anh Trần Quốc T và chị Trần Thị Bích M tổ chức đám cưới năm 2012 và có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 07/11/2013. Sau khi kết hôn, theo anh T, thời gian

đầu vợ chồng vẫn hạnh phúc nhưng thời gian sau phát sinh mâu thuẫn, chị M bỏ nhà đi đâu không ai biết, anh đã cố gắng tìm kiếm nhưng vẫn không có tin tức gì và không biết chị ở đâu; tháng 06/2018 anh T đã yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích đối với chị M và được Toà án chấp nhận tại Quyết định số: 09/2018/QĐDS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2018. Anh T nhận thấy chị M đã bỏ đi, vợ chồng không thể hàn gắn được nên quyết định ly hôn để chú tâm làm ăn lo cho các con trưởng thành. Kể từ khi Tòa án có quyết định tuyên bố mất đối với chị M đến nay, chị M vẫn không trở về địa phương, điều này cho thấy chị M không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh T, hiện nay mỗi người có cuộc sống riêng, cho thấy hôn nhân giữa hai người không đạt được mục đích. Nay anh T yêu cầu được ly hôn với chị M xét thấy là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh T và chị M có 02 con chung tên Trần Thị Thảo V, sinh ngày 27/11/2013 và Trần Thị Trà M, sinh ngày 08/12/2015. Hiện Trần Thị Thảo V sống với cha, Trần Thị Trà M sống với mẹ. Xét thấy con chung Trần Thị Thảo V sống với anh T từ khi chị M bỏ đi phát triển tốt về thể chất và tinh thần, để đảm bảo ổn định cuộc sống của cháu Thảo V nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của anh T; vì vậy anh T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Trần Thị Thảo V, anh T không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Anh T thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T thống nhất không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

[3] Về án phí:

Anh Trần Quốc T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

** Căn cứ vào Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung của anh Trần Quốc T.

1. Về hôn nhân: Anh Trần Quốc T được ly hôn với chị Trần Thị Bích M.

2. Về con chung: Chấp nhận anh T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Thảo V, sinh ngày 27/11/2013, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu.

Chị M có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Anh Trần Quốc T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006161 ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Đối với chị M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- UBND xã Mỹ Hội;
- Tòa án tỉnh.
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Huỳnh Trung Dũng